

Số: /2019/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã.*

*Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;*

*Căn cứ Nghị định số 03/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 72/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

## 1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

## 2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh.

**Điều 2. Quy định chức danh, bố trí số lượng, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã**

1. Chức danh, mức phụ cấp hàng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

TT	Chức danh	Mức phụ cấp (so với mức lương cơ sở)		
		Đơn vị hành chính cấp xã loại I	Đơn vị hành chính cấp xã loại II	Đơn vị hành chính cấp xã loại III
1	Phó Trưởng Công an (ở xã, thị trấn không bố trí công an chính quy)	1,16	1,12	1,1
2	Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự			
3	Văn phòng Đảng ủy			
4	Nhân viên khuyến nông, lâm, ngư nghiệp			
5	Phó Chủ nhiệm nhà văn hóa; phụ trách Đài truyền thanh			
6	Nhân viên thú y			
7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,94	0,9	0,88
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	0,83	0,79	0,77
9	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc			
10	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh			
11	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ			
12	Phó Chủ tịch Hội Nông dân			
13	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh			
14	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy			

## 2. Bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định bố trí tối đa 10 người để đảm nhận chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định tại Khoản 1 Điều này. Không bố trí một chức danh có hai người đảm nhiệm. Đối với xã, thị trấn đã bố trí Phó Trưởng Công an là công an chính quy thì không bố trí Phó Trưởng Công an là người hoạt động không chuyên trách.

## 3. Bố trí kiêm nhiệm chức danh:

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được kiêm nhiệm một chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố.

## 4. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh:

a) Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 50% hệ số phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hoặc ở thôn, tổ dân phố, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

5. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Ngoài phụ cấp hằng tháng và các khoản phụ cấp quy định tại Nghị quyết này, người hoạt động không chuyên trách được hưởng các khoản phụ cấp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

## 7. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ bảo hiểm y tế; mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

## **Điều 3. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã**

Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh) theo phân loại đơn vị hành chính và theo khoảng cách từ trung tâm huyện, thành phố đến trung tâm xã, phường, thị trấn như sau:

TT	Nội dung	Mức khoán kinh phí/năm/tổ chức (đơn vị tính: đồng)		
		Đơn vị hành chính cấp xã loại I	Đơn vị hành chính cấp xã loại II	Đơn vị hành chính cấp xã loại III
<b>1</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (thành phố) dưới 15 km</b>			
1.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	6.200.000	5.700.000	5.200.000
1.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	6.000.000	5.500.000	5.000.000
<b>2</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (thành phố) từ 15 km đến dưới 30 km</b>			
2.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	7.400.000	6.800.000	6.200.000
2.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	7.200.000	6.600.000	6.000.000
<b>3</b>	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã xa trung tâm huyện (thành phố) từ 30 km trở lên</b>			
3.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	8.600.000	7.900.000	7.200.000
3.2	Các tổ chức chính trị - xã hội	8.400.000	7.700.000	7.000.000

**Điều 4. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 14a Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/12/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (được bổ sung tại Khoản 6, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố).

2. Mức phụ cấp hằng tháng của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân loại thôn, tổ dân phố và đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Cụ thể như sau:

a) Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự:

TT	Phân loại thôn, tổ dân phố	Chức danh:		
		Bí thư Chi bộ	Trưởng thôn	Trưởng Ban công tác mặt trận
1	Loại 1	1,18	1,18	0,8
2	Loại 2	1,14	1,14	0,75
3	Loại 3	1,12	1,12	0,7

b) Thôn, tổ dân phố còn lại:

TT	Phân loại thôn, tổ dân phố	Chức danh		
		<i>Bí thư Chi bộ</i>	<i>Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng Tổ dân phố</i>	<i>Trưởng Ban công tác mặt trận</i>
1	Loại 1	1,16	1,16	0,75
2	Loại 2	1,12	1,12	0,7
3	Loại 3	1,1	1,1	0,65

3. Mức phụ cấp kiêm nhiệm:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà giảm được 01 người trong số lượng được quy định tại Khoản 1 Điều này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng 70% hệ số phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.

### **Điều 5. Hỗ trợ kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố**

1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên hoặc thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự là 4.000.000 đồng/năm/thôn; thôn, tổ dân phố còn lại là 3.500.000 đồng/năm/thôn (tổ dân phố).

2. Mức bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố (trừ những người đã được hưởng phụ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước) tối thiểu 25.000 đồng/người/buổi.

Căn cứ nguồn kinh phí quy định tại Khoản 1 Điều này và quỹ của thôn, tổ dân phố (nếu có), tùy theo mức độ, tính chất công việc, Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố), Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn (tổ dân phố) và trưởng các tổ chức liên quan ở thôn (tổ dân phố) bàn bạc, thống nhất bồi dưỡng cho người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố.

3. Các đoàn thể ở thôn, tổ dân phố căn cứ vào nguồn kinh phí từ đoàn phí, hội phí và nguồn quỹ khác (nếu có) bàn bạc, thống nhất bồi dưỡng đối với người tham gia trực tiếp công việc của tổ chức mình ở thôn, tổ dân phố.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Bãi bỏ các quy định sau: Khoản 1, Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 1; chức danh, mức phụ cấp hàng tháng đối với Bí thư Chi bộ thôn (tổ dân phố), Trưởng thôn (Tổ trưởng tổ dân phố), Phó Trưởng thôn, (Tổ phó tổ dân phố) quy

định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 1; Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 5 Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Các chức danh: Thôn đội trưởng, Công an viên, Bảo vệ dân phố, Nhân viên y tế tiếp tục hưởng mức phụ cấp theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh đến khi có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền.

2. Bãi bỏ mức chi cho hoạt động thường xuyên của thôn, tổ dân phố; hỗ trợ kinh phí hoạt động của các chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; hỗ trợ hằng tháng đối với cấp trưởng 4 tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố quy định tại Điểm g, Khoản 5, Điều 2 Nghị quyết số 06/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2019./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sơn**